TAND THÀNH PHỐ LAI CHÂU **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Lai Châu, ngày 19 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2018/TLST/HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: đường Phan Đ, tổ 26, phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

Bị đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: đường Phan Đ, tổ 26, phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Đức T và chị Lò Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Lò Thị N đều thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con: Anh Nguyễn Đức T và chị Lò Thị N có 01 con chung tên là Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/11/2011 anh T và chị N thỏa thuận như sau:

+ Anh Nguyễn Đức T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu chị Lò Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chị N nhất trí.

+ Chị Lò Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Nguyễn Đức T và chị Lò Thị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức T và chị Lò Thị N mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, chị N nhất trí để anh T nộp thay số tiền án phí mà chị N phải nộp là 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Tổng cộng anh T phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh Nguyễn Đức T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Nguyễn Đức T số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0003390 ngày 31/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tòng Thị Tuyết